

(Tiếp theo kỳ trước)  
3. Phân loại hàng hóa lao động trên thị trường lao động thành phố

Nếu xem xét trên tổng nguồn cung của thị trường lao động nêu trên thì các loại "hàng hóa" lao động có thể phân loại như sau:

- Theo nguồn gốc của người lao động thì thị trường lao động gồm có lao động tại chỗ, lao động nhập cư, lao động nhập khẩu;

- Xét theo trình độ chuyên môn kỹ thuật thì trên thị trường có lao động phổ thông, lao động công nhân kỹ thuật có tay nghề, lao động chuyên gia các loại được đào tạo theo các loại cấp bậc trình độ khác nhau;

- Xét theo tính chất công việc thì trên thị trường có lao động chân tay, lao động trí óc; lao động quản lý hoạt động kinh doanh, lao động quản lý nhà nước, lao động dịch vụ, lao động sản xuất.....

- Xét trên khía cạnh pháp lý thì thị trường lao động thành phố còn hình thành ra hai khu vực, khu vực kinh tế chính thức và khu vực kinh tế phi chính thức (lao động đơn lẻ, hộ gia đình...).

Theo số liệu thống kê của ngành lao động thì loại lao động chính thức (lao động có đăng ký qua các hình thức doanh nghiệp) hiện chiếm khoảng trên 55% tổng số lao động đang làm việc, tức lao động có việc làm. Riêng khu vực kinh tế phi chính thức (phần lớn là kinh tế gia đình tự tạo việc làm) là khu vực thu hút lực lượng lao động có số lượng lớn, kể cả lao động về hưu, mất sức, lao động vị thành niên, lao động nội trợ, thất nghiệp bán phần... (số này ước tính chiếm khoảng 45% tổng số lao động có việc làm tại thành phố).

Xét trên khía cạnh cung của thị trường và phân theo trình độ chuyên môn, học vấn thì số liệu thống kê bảng 6 và bảng 7 dưới đây sẽ mô tả cơ cấu lao động của thị trường lao động thành phố.

Bảng 6- Cơ cấu lao động trong độ tuổi  
Chia theo trình độ học vấn và tình trạng lao động năm 1995  
DVT: %

|                       | Có việc làm |                           | Chưa có việc làm |                              | Nội trợ |
|-----------------------|-------------|---------------------------|------------------|------------------------------|---------|
|                       | Tổng số     | Trong đó việc làm ổn định | Tổng số          | Trong đó có nhu cầu làm việc |         |
| Tổng số               | 100,00      | 100,00                    | 100,00           | 100,00                       | 100,00  |
| - Chưa biết chữ       | 2,09        | 1,81                      | 2,76             | 2,04                         | 4,06    |
| - Biết đọc, biết viết | 3,72        | 3,28                      | 3,73             | 2,89                         | 6,76    |
| - Chưa TN - PTCS      | 43,54       | 41,30                     | 45,59            | 43,29                        | 53,97   |
| - Tốt nghiệp PTCS     | 23,54       | 23,74                     | 26,54            | 27,67                        | 20,02   |
| - Tốt nghiệp PTTH     | 18,74       | 20,21                     | 17,24            | 18,13                        | 13,30   |
| - THCN                | 3,00        | 3,43                      | 1,72             | 2,67                         | 0,81    |
| - DH - Cao đẳng       | 5,13        | 5,98                      | 2,28             | 3,20                         | 0,91    |
| - Trên Đại học        | 0,10        | 0,13                      | 0,01             | 0,01                         | -       |
| - Không xác định      | 0,14        | 0,12                      | 0,13             | 0,10                         | 0,17    |

Nguồn: Thống kê của Sở Lao động TP.



# THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG TP.HCM NHÌN TỪ KHÍA CẠNH TỔNG CUNG VÀ TỔNG CẦU

PGS. PTS. NGUYỄN THỊ CÀNH  
& THÂN TRỌNG NAM

Với mật bằng dân trí như trên đã ảnh hưởng và tác động đến trình độ chuyên môn kỹ thuật của lực lượng lao động thành phố. Số liệu thống kê năm 1995 của ngành lao động dưới đây cho thấy có đến 81,5% là lao động không có chuyên môn kỹ thuật, riêng ở ngoại thành tỉ lệ này (so với số lượng lao động đang làm việc) lên tới 90,1%.

Bảng 7- Trình độ chuyên môn kỹ thuật của lao động thành phố

| Trình độ chuyên môn kỹ thuật | Toàn thành phố |       | Nội thành |       | Ngoại thành |       |
|------------------------------|----------------|-------|-----------|-------|-------------|-------|
|                              | Số người       | %     | Số người  | %     | Số người    | %     |
| Tổng số LĐ đang làm việc     | 1.619.953      | 100,0 | 1.773.305 | 100,0 | 442.648     | 100,0 |
| + LĐ không có CM kỹ thuật    | 1.320.261      | 81,5  | 921.829   | 78,3  | 398.432     | 90,1  |
| + Công nhân kỹ thuật         | 136.076        | 8,4   | 114.198   | 9,7   | 21.878      | 4,94  |
| + Trung cấp                  | 76.137         | 4,7   | 62.397    | 5,3   | 13.740      | 3,10  |
| + Từ Đại học trở lên         | 87.479         | 5,4   | 78.881    | 6,7   | 8.589       | 1,95  |

Nguồn: Thống kê của Sở Lao động TP.

Kết quả điều tra nhu cầu lao động tại 400 doanh nghiệp mới đây của chúng tôi (bảng 8) cho thấy hiện các doanh nghiệp đang trong tình trạng thiếu lao động kỹ thuật có tay nghề và thừa lao động phổ thông. Chẳng hạn, lao động loại chuyên gia kỹ thuật thiếu trên 27%, trong đó doanh nghiệp nhà nước địa phương thiếu tới 43,48%, khu vực tư nhân và đầu tư nước ngoài thiếu trên 30%. Công nhân kỹ thuật thiếu trên 32%, trong đó DNNN TW thiếu trên 34%, khu vực đầu tư nước ngoài thiếu trên 35%..., trong lúc lao động phổ thông không có tay nghề thừa gần 17%, đặc biệt là các DNNN địa phương thừa trên 30%.

Bảng 8- Tình trạng sử dụng lao động (1997)  
tại các doanh nghiệp theo hình thức pháp lý

|                                   | Hình thức pháp lý     |                       |                 |                              | Chung  |
|-----------------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------|------------------------------|--------|
|                                   | Quốc doanh trung ương | Quốc doanh địa phương | Khu vực tư nhân | Khu vực có vốn ĐT nước ngoài |        |
| Tỷ lệ DN có phân bố LĐ tối ưu (%) | 42,65                 | 45,00                 | 40,97           | 48,89                        | 42,75  |
| Tình trạng các loại lao động (%)  |                       |                       |                 |                              |        |
| Lao động lãnh đạo                 |                       |                       |                 |                              |        |
| Quá thiếu                         | ,00                   | 1,67                  | ,00             | ,00                          | 0,25   |
| Thiếu                             | 14,71                 | 16,67                 | 3,96            | 2,22                         | 7,50   |
| Vừa                               | 80,88                 | 80,00                 | 95,15           | 97,78                        | 90,75  |
| Thừa                              | 4,41                  | 1,67                  | 0,88            | ,00                          | 1,50   |
| Tổng cộng                         | 100,00                | 100,00                | 100,00          | 100,00                       | 100,00 |

| Lao động nghiệp vụ    |        |        |        |        |        |
|-----------------------|--------|--------|--------|--------|--------|
| Quá thiếu             |        | 1,67   | 0,89   | 2,22   | 1,01   |
| Thiếu                 | 27,94  | 23,33  | 18,22  | 8,89   | 19,60  |
| Vừa                   | 60,29  | 68,33  | 76,00  | 84,44  | 73,12  |
| Thừa                  | 11,76  | 6,67   | 4,89   | 4,44   | 6,28   |
| Tổng cộng             | 100,00 | 100,00 | 100,00 | 100,00 | 100,00 |
| Lao động kỹ thuật     |        |        |        |        |        |
| Quá thiếu             | 3,32   | ,00    | 8,33   | ,00    | 3,48   |
| Thiếu                 | 24,90  | 43,48  | 30,56  | 31,25  | 27,22  |
| Vừa                   | 70,95  | 52,17  | 61,11  | 62,50  | 68,04  |
| Thừa                  | 0,83   | 4,35   | ,00    | 6,25   | 1,27   |
| Tổng cộng             | 100,00 | 100,00 | 100,00 | 100,00 | 100,00 |
| Công nhân có tay nghề |        |        |        |        |        |
| Quá thiếu             | 1,50   | ,00    | 1,92   | ,00    | 1,39   |
| Thiếu                 | 34,08  | 26,09  | 23,08  | 35,29  | 32,03  |
| Vừa                   | 61,80  | 73,91  | 75,00  | 58,82  | 64,35  |
| Thừa                  | 2,62   | ,00    | ,00    | 5,88   | 2,23   |
| Tổng cộng             | 100,00 | 100,00 | 100,00 | 100,00 | 100,00 |
| Lao động phổ thông    |        |        |        |        |        |
| Thiếu                 | 1,19   | ,00    | ,00    | 5,88   | 1,17   |
| Vừa                   | 81,35  | 69,57  | 91,84  | 70,59  | 81,52  |
| Thừa                  | 17,06  | 30,43  | 8,16   | 17,65  | 16,72  |
| Quá thừa              | 0,40   | ,00    | ,00    | 5,88   | 0,59   |
| Tổng cộng             | 100,00 | 100,00 | 100,00 | 100,00 | 100,00 |

Nguồn: Viện Kinh Tế-Kết quả điều tra doanh nghiệp năm 1997 về vấn đề lao động.

Theo số liệu thống kê và kết quả điều tra lao động tại 400 doanh nghiệp thì tỷ lệ các loại lao động xét theo tính chất công việc trên địa bàn TP HCM như sau: loại lao động quản lý nhà nước và an ninh quốc phòng chiếm khoảng 1,75% tổng số lao động đang làm việc trên địa bàn; loại lao động lãnh đạo (quản lý) doanh nghiệp tính từ phó phòng trở lên chiếm 3,9%; loại lao động chuyên gia kinh tế, hành chính văn phòng chiếm 7,8%; loại lao động chuyên gia kỹ thuật chiếm trên 3%; loại lao động công nhân (lao động chân tay) chiếm khoảng 85,3%.

#### 4. Nhận định, đánh giá

Thành phố HCM là nơi tập trung một lượng dân cư đông vào bậc nhất nước. Hiện thành phố có khoảng trên dưới 5 triệu người, với gần 2,8 triệu trong độ tuổi lao động (chưa kể khoảng 1,2 - 1,5 triệu người là khách vãng lai thường xuyên ra vào và hiện diện tại thành phố). Đây là địa phương không chỉ có số lượng lớn dân số, lao động mà còn có mật độ dân cư cũng vào loại cao nhất nước với 2332 người /km<sup>2</sup> so với cả nước là 223 người/km<sup>2</sup>. Với tốc độ phát triển kinh tế cao, thu nhập quốc nội trên đầu người cao gấp trên 4 lần mức bình quân cả nước thành phố còn là một trong những địa phương có sức hấp dẫn thu hút đầu tư ở trong và ngoài nước. Cùng với sự ra đời và phát triển nhanh của các loại hình doanh nghiệp thành phố Hồ Chí Minh ngày một thu hút các luồng lao động nhập cư, nhập khẩu. Như đã nêu do điều kiện pháp lý đã cho phép hình thành thị trường lao động tại Việt Nam trong đó có TP HCM, và hơn thế nữa TP HCM là nơi đi đầu trong cả nước về các quan hệ thị trường do đó cùng với việc hình thành, phát triển của thị trường hàng hóa, thị trường tài chính..., thị trường lao động cũng đã được hình thành và phát triển. Từ số liệu phân tích tổng cung, tổng cầu của thị trường lao động nêu trên có thể cho phép một số nhận định, đánh giá ban đầu dưới đây.

*Thứ nhất*, thị trường lao động thành phố vận hành và phát triển trên một nền kinh tế hàng hóa và cơ chế thị trường hình thành sớm hơn so với cả nước cho nên

mối quan hệ cung cầu ở đây khá phong phú đa dạng, phong phú cả nguồn cung ứng lao động và khả năng tạo cầu để thu hút lao động trên thị trường. Diễn biến những năm qua cho thấy mối quan hệ cung cầu trên thị trường là hết sức lớn, tổng nguồn cung lao động của thị trường thành phố tuy còn nhiều bất cập nhưng phong phú đa dạng, chứa đựng nhiều yếu tố thuận lợi, nguồn cầu cũng đầy tiềm năng và ngày càng được mở rộng trong quá trình chuyển đổi phát triển nền kinh tế.

*Thứ hai*, thị trường lao động thành phố vừa có lực lượng dồi dào, lại đến từ nhiều nguồn, nhiều địa phương trong cả nước, nhiều nước trên thế giới, đa phần là lực lượng trẻ có khả năng thích ứng nhanh trước những ngành nghề mới. Tuy nhiên, một điều dễ nhận thấy trong thị trường lao động thành phố còn hình thành sự phân biệt giữa thị trường lao động có hộ khẩu và không có hộ khẩu, thị trường lao động có đăng ký và thị trường lao động không có đăng ký, thị trường đăng ký chính thức và phi chính thức... đã tạo ra một sự rối loạn khó kiểm soát và rất khó quản lý, điều tiết trong bố trí sử dụng. Trên thực tế Nhà nước thành phố không thể kiểm soát và quản lý được các nguồn cung ứng, luồng di chuyển nhân công dẫn đến thị trường phát triển tự phát thiếu định hướng làm ảnh hưởng đến phát triển kinh tế xã hội nói chung và nguồn nhân lực nói riêng.

*Thứ ba*, do Nhà nước chưa kiểm soát được thị trường nên sự phát triển tự phát của thị trường đã gây ra sự mâu thuẫn rất lớn giữa cung và cầu. Sự mâu thuẫn đó là lực lượng lao động nhiều nhưng chất lượng lao động thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển của thành phố trong hiện tại và những năm tiếp theo, trình độ chuyên môn kỹ thuật của người lao động còn thấp và cơ cấu các loại trình độ chưa hợp lý, cơ cấu ngành nghề phân bố cũng chưa hợp lý, có nhiều ngành đào tạo thừa không sử dụng hết, song lại có nhiều ngành nghề quá thiếu như quản lý kinh tế, ngoại ngữ, tin học..., đặc biệt là đội ngũ công nhân kỹ thuật thiếu hầu hết ở các ngành, khu vực kinh tế. Tình trạng lao động có trình độ ngành nghề cung cấp không đủ ở những vùng đô thị hóa, các khu công nghiệp, khu chế xuất đang diễn ra gay gắt, làm cản trở quá trình chuyển đổi và phát triển nền kinh tế thành phố. Tỷ lệ thất nghiệp ở thành phố vẫn đang ở xu hướng phát triển do các năm qua tuy việc làm có tăng, nhưng hệ số ổn định của các nguồn việc làm còn thấp, nhiều người lao động hiện nay tuy có việc làm nhưng ở dạng thất nghiệp trá hình, thể hiện đang làm các công việc có năng suất lao động rất thấp, hạn chế đóng góp vào việc tạo ra sản phẩm xã hội và thu nhập quốc dân, số người trong biên chế nhà nước còn quá nhiều so với yêu cầu công việc. Do sự phát triển của các thành phần kinh tế chưa ổn định đã tạo ra tình trạng tái thất nghiệp thường xuyên, thị trường lao động hiện nay thể hiện rất rõ trạng thái mất cân bằng, trong đó cung lớn hơn cầu, cơ cấu cầu còn lạc hậu, đại bộ phận lao động nông thôn thiếu việc làm.

*Thứ tư*, thị trường lao động thành phố bước đầu đã thể hiện tính cạnh tranh của các loại hàng hóa lao động. Đó là sự cạnh tranh giữa nguồn cung ứng lao động tại chỗ với nguồn lao động nhập cư, nhập khẩu, cạnh tranh lao động thông qua đòi hỏi tiêu chuẩn trình độ chuyên môn giữa các dòng lao động và ngay trong một bộ phận lực lượng lao động, cạnh tranh giữa hàng hóa sức lao động và hàng hóa dưới dạng tư liệu sản xuất (công cụ, máy móc, công nghệ...) cạnh tranh này diễn ra trong xu hướng chuyển giao công nghệ ngày một cao với thiên hướng sử dụng hàm lượng lao động trong sản phẩm ngày một ít, sử dụng lao động chất xám tay nghề (hàm lượng kỹ thuật) ngày một cao.